

## BẢNG THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo Tờ trình số 920/TTr-BNV ngày 02 tháng 04 năm 2025)

**Ghi chú: Những nội dung được kế thừa, giữ nguyên trong Dự thảo là do trong quá trình triển khai vẫn hiệu quả và không có vướng mắc.**

TT	LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC HIỆN HÀNH <sup>1</sup>	DỰ THẢO LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
1.	Chương I	CHƯƠNG I	
2.	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
3.	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	
4.	Luật này quy định về cán bộ, công chức; bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức; nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức và điều kiện bảo đảm thi hành công vụ.	Luật này quy định về cán bộ, công chức; quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức; bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).	Dự thảo bổ sung các nội dung cụ thể sẽ được quy định trong Dự thảo Luật; bổ sung cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”, phù hợp với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; quy định phạm vi điều chỉnh là ở 3 cấp (Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã); lược bỏ cụm từ “điều kiện bảo đảm thi hành công vụ” để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.
5.	<b>Điều 4. Cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 2. Cán bộ, công chức</b>	
	1. Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản	1. Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm hoặc <b>chỉ định</b> giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan	Dự thảo đã: - Bổ khái niệm đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; Bỏ cụm

<sup>1</sup> Luật Cán bộ, công chức năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

	<p>Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.</p> <p>3. Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.</p>	<p>của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, <b>Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</b>, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở <b>cấp xã</b>, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng theo vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, <b>Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</b>, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở <b>cấp xã</b>, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.</p>	<p>từ “cấp huyện”, đồng thời bổ sung cụm từ “cấp xã” để thực hiện chỉ đạo về “<i>không tổ chức cấp huyện</i>” tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.</p> <p>- Bổ sung các cụm từ: 1) “chỉ định” để phù hợp quy định với QĐ số 80-QĐ/TW<sup>2</sup>; 2) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;</p> <p>- Lược bỏ quy định công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vì trong thực tế không có đối tượng này.</p>
6.	<b>Điều 2. Hoạt động công vụ của cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 3. Hoạt động công vụ của cán bộ, công chức</b>	

<sup>2</sup> Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

	Hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật này và các quy định khác có liên quan.	Hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật này và các quy định khác có liên quan.	
7.	<b>Điều 3. Các nguyên tắc trong thi hành công vụ</b>	<b>Điều 4. Nguyên tắc trong thi hành công vụ</b>	Đối với các nội dung này, Dự thảo thực hiện kế thừa của Luật hiện hành.
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.</li> <li>2. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.</li> <li>3. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.</li> <li>4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả.</li> <li>5. Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.</li> <li>2. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.</li> <li>3. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.</li> <li>4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả.</li> <li>5. Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.</li> </ol>	
8.	<b>Điều 65. Nội dung quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 5. Nội dung quản lý cán bộ, công chức</b>	Luật hiện hành quy định về Nội dung quản lý cán bộ, công chức tại Điều 65. Dự thảo đã sửa đổi như sau: - Chuyển nội dung quản lý cán bộ, công chức thành Điều 5 của Dự thảo để làm căn cứ xây dựng các quy định tiếp theo của Luật. - Nội dung quản lý cán bộ, công chức đã cập nhật, bổ sung 09 nội dung để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy định số 80-QĐ/TW. - Đồng thời bổ sung nội dung quản lý về “Xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nội dung quản lý cán bộ, công chức bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về cán bộ, công chức;</li> <li>b) Xây dựng kế hoạch, quy hoạch cán bộ, công chức;</li> <li>c) Quy định chức danh và cơ cấu cán bộ;</li> <li>d) Quy định ngạch, chức danh, mã số công chức; mô tả, quy định vị trí việc làm và cơ cấu công chức để xác định số lượng biên chế;</li> <li>đ) Các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ, công chức quy định tại Luật này.</li> </ol> </li> <li>2. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định cụ thể nội dung quản lý cán bộ, công chức quy định tại Điều này.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân cấp quản lý cán bộ, công chức.</li> <li>2. Xây dựng, ban hành và quản lý vị trí việc làm.</li> <li>3. Tuyển dụng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ, công chức.</li> <li>4. Đánh giá cán bộ, công chức.</li> <li>5. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.</li> <li>6. <b>Xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức.</b></li> <li>7. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức.</li> <li>8. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức.</li> </ol>	

		<p>9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ.</p> <p>10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ.</p>	<p>chức”, phù hợp với chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sử dụng cán bộ.</p>
9.	<b>Điều 5. Các nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 6. Nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức</b>	
	<p>1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước.</p> <p>2. Kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.</p> <p>3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng.</p> <p>4. Việc sử dụng, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức phải dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thi hành công vụ.</p> <p>5. Thực hiện bình đẳng giới.</p>	<p>1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước.</p> <p>2. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.</p> <p>3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp, phân quyền.</p> <p>4. Việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và kết quả, hiệu quả thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức.</p> <p>5. Thực hiện bình đẳng giới.</p>	<p>Dự thảo đã sửa đổi nội dung của khoản 2, khoản 3 để phù hợp với việc đổi mới quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.</p>
10.	<b>Điều 6. Chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ</b>	<b>Điều 7. Chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ</b>	
	<p>1. Nhà nước có chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng.</p> <p>2. Chính phủ quy định khung chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ.</p> <p>3. Căn cứ vào quy định của Chính phủ, người đứng đầu cơ quan quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 39 của Luật này quyết định chế độ trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Hội đồng</p>	<p>1. Nhà nước có cơ chế, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng làm việc trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, bảo đảm nguyên tắc kết hợp nguồn lực khu vực công và khu vực tư.</p> <p>2. Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi và nguồn kinh phí theo thẩm quyền (bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước và nguồn huy động hợp pháp khác) để thu hút, trọng dụng người có tài năng trong các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, mũi nhọn để phục vụ</p>	<p>Nội dung này trong Dự thảo được sửa đổi, bổ sung theo hướng: 1) Thể chế hóa chủ trương của Đảng về thu hút, trọng dụng nhân tài, bao gồm cả trong và ngoài khu vực công; 2) Nhấn mạnh việc phải căn cứ vào các lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn để quy định cơ chế, chính sách; 3) Giao cụ thể trách nhiệm đối với các cơ quan và người đứng đầu.</p>

	<p>nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp tỉnh quản lý.</p>	<p>cho phát triển nhanh, bền vững của đất nước; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương.</p> <p>3. Căn cứ vào quy định của Chính phủ và của Hội đồng nhân dân, định hướng, chiến lược, trọng tâm phát triển của ngành, lĩnh vực, quốc gia, địa phương, người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức xác định những ngành, lĩnh vực cần ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng giai đoạn và quyết định việc thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p>	
11.	<b>Điều 7. Giải thích từ ngữ</b>	<b>Điều 8. Giải thích từ ngữ</b>	
	<p>Trong Luật này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức</i> là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý, phân công, bố trí, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức.</p> <p>2. <i>Cơ quan quản lý cán bộ, công chức</i> là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng ngạch, nâng lương, cho thôi việc, nghỉ hưu, giải quyết chế độ, chính sách và khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức.</p> <p>3. <i>Vị trí việc làm</i> là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định</p>	<p>Trong Luật này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Cơ quan quản lý cán bộ, công chức</i> là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức bao gồm tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bố trí việc làm, kỷ luật, miễn nhiệm, khen thưởng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, cho thôi việc, nghỉ hưu, giải quyết chế độ, chính sách và các nội dung khác trong công tác quản lý đối với cán bộ, công chức.</p> <p>2. <i>Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức</i> là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý, phân công, bố trí, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của</p>	<p>Đối với nội dung này, Dự thảo đã thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụ thể hơn thẩm quyền của cơ quan quản lý cán bộ, công chức; cơ quan sử dụng cán bộ, công chức đối với công tác quản lý cán bộ, công chức;</li> <li>- Bổ khái niệm về “ngạch”, bổ sung khái niệm về “vị trí việc làm”.</li> <li>- Bổ các khái niệm “Giáng chức”, “Cách chức” để phù hợp với các quy định hiện hành về công tác cán bộ của Đảng.</li> </ul>

<p>biên chế và bố trí công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>4. <i>Ngạch</i> là tên gọi thể hiện thứ bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.</p> <p>5. <i>Bổ nhiệm</i> là việc cán bộ, công chức được quyết định giữ một chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc một ngạch theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. <i>Miễn nhiệm</i> là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm.</p> <p>7. <i>Bãi nhiệm</i> là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ.</p> <p>8. <i>Giáng chức</i> là việc công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị hạ xuống chức vụ thấp hơn.</p> <p>9. <i>Cách chức</i> là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm.</p> <p>10. <i>Điều động</i> là việc cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.</p> <p>11. <i>Luân chuyển</i> là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được cử hoặc bổ nhiệm giữ một chức danh lãnh đạo, quản lý khác trong một thời hạn nhất định để tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện theo yêu cầu nhiệm vụ.</p> <p>12. <i>Biệt phái</i> là việc công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị này được cử đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ.</p>	<p>cán bộ, công chức và các thẩm quyền khác theo phân cấp.</p> <p>3. <i>Vị trí việc làm</i> là chức vụ, chức danh, công việc của một cán bộ, công chức gắn với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>4. <i>Điều động</i> là việc cấp có thẩm quyền quyết định chuyển cán bộ, công chức từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.</p> <p>5. <i>Bổ nhiệm</i> là việc cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao cán bộ, công chức giữ một chức vụ, chức danh.</p> <p>6. <i>Luân chuyển</i> là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được phân công hoặc bổ nhiệm giữ một chức danh lãnh đạo, quản lý khác trong một thời hạn nhất định để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện.</p> <p>7. <i>Biệt phái</i> là việc công chức của cơ quan quản lý công chức này (cơ quan cử biệt phái) được cử đến làm việc tại cơ quan quản lý công chức khác (cơ quan nhận biệt phái) theo yêu cầu nhiệm vụ.</p> <p>8. <i>Miễn nhiệm</i> là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm.</p> <p>9. <i>Bãi nhiệm</i> là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ.</p> <p>10. <i>Từ chức</i> là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý tự nguyện xin thôi giữ chức vụ</p>	
---	--	--

	13. <i>Từ chức</i> là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bỏ nhiệm.	khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bỏ nhiệm.	
12.	<b>Chương II</b>	<b>CHƯƠNG II</b>	
13.	<b>NGHĨA VỤ, QUYỀN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	<b>NGHĨA VỤ, QUYỀN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	
14.	<b>Mục 1</b>	<b>Mục 1</b>	
15.	<b>NGHĨA VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	<b>NGHĨA VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	
16.	<b>Điều 8. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân</b>	<b>Điều 9. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân</b>	
	1. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia. 2. Tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân. 3. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân. 4. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	1. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia. 2. Tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân. 3. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân. 4. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	
17.	<b>Điều 9. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ</b>	<b>Điều 10. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ</b>	
18.	1. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 2. Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.	1. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 2. Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.	Các nội dung được giữ nguyên tại Dự thảo.

	<p>3. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>4. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.</p> <p>5. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>4. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.</p> <p>5. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
19.	<b>Điều 10. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu</b>	<b>Điều 11. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu</b>	
20.	<p>Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật này, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>2. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;</p> <p>3. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc đ</p>	<p>Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>2. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;</p> <p>3. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về</p>	



	<p>xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>4. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;</p> <p>5. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>4. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;</p> <p>5. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
21.	<b>Mục 2</b>	<b>Mục 2</b>	
22.	<b>QUYỀN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	<b>QUYỀN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	
23.	<b>Điều 11. Quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ</b>	<b>Điều 12. Quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ</b>	
24.	<p>1. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ.</p> <p>2. Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>5. Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.</p>	<p>1. Được giao quyền tương xứng với vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.</p> <p>5. Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.</p> <p>6. Được khuyến khích, khen thưởng khi có thành tích trong đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ,</p>	<p>Dự thảo: 1) Kế thừa các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5; 2) Sửa đổi khoản 1, khoản 4 cho rõ hơn, súc tích hơn; 3) Bổ sung khoản 6 để cụ thể hóa quan điểm của Đảng tại Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị<sup>3</sup>.</p>

<sup>3</sup> Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

		dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và được xem xét miễn trừ trách nhiệm khi có sai sót, thiệt hại trong thực hiện.	
25.	<b>Điều 12. Quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương</b>	<b>Điều 13. Quyền của cán bộ, công chức về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ liên quan đến tiền lương</b>	
26.	<p>1. Được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Cán bộ, công chức được hưởng tiền lương, tiền thưởng theo vị trí việc làm đảm nhận, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.</p> <p>3. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Nội dung này đã sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung nguyên tắc trả lương theo vị trí việc làm</li> <li>- Tách nội dung quy định về hưởng phụ cấp, chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới,... thành điều riêng.</li> <li>- Bổ sung Điều 4, giao Chính phủ quy định chi tiết.</li> </ul>
27.	<b>Điều 13. Quyền của cán bộ, công chức về nghỉ ngơi</b>	<b>Điều 14. Quyền của cán bộ, công chức về nghỉ ngơi và các quyền khác</b>	
28.	Cán bộ, công chức được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ để giải quyết việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.	1. Cán bộ, công chức được nghỉ hằng năm; nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.	

		2. Cán bộ, công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét đề công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.	Dự thảo đã gộp Điều 14 vào Điều 13 và giữ nguyên các nội dung quy định.
29.	<b>Điều 14. Các quyền khác của cán bộ, công chức</b>		
30.	Cán bộ, công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét đề công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.		
31.	<b>Mục 3.</b>	<b>Mục 3.</b>	
32.	<b>ĐẠO ĐỨC, VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	<b>ĐẠO ĐỨC, VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	
33.	<b>Điều 15. Đạo đức của cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 15. Đạo đức của cán bộ, công chức</b>	
34.	Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ.	Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ.	Nội dung này được giữ nguyên.
35.	<b>Điều 16. Văn hóa giao tiếp ở công sở</b>	<b>Điều 16. Văn hóa giao tiếp</b>	Dự thảo gộp Điều 17 vào Điều 16 và giữ nguyên các quy định hiện hành.
36.	1. Trong giao tiếp ở công sở, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng đồng nghiệp;	1. Văn hóa giao tiếp ở công sở	

	<p>ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.</p> <p>2. Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.</p> <p>3. Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp.</p>	<p>a) Trong giao tiếp ở công sở, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng đồng nghiệp; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.</p> <p>b) Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.</p> <p>2. Văn hóa giao tiếp với Nhân dân</p> <p>a) Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp.</p> <p>b) Cán bộ, công chức phải gần gũi với Nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.</p> <p>c) Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân khi thi hành công vụ.</p>	
37.	<b>Điều 17. Văn hóa giao tiếp với Nhân dân</b>		
38.	<p>1. Cán bộ, công chức phải gần gũi với Nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.</p> <p>2. Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân khi thi hành công vụ.</p>		
39.	<b>NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC KHÔNG ĐƯỢC LÀM</b>	<b>NHỮNG VIỆC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC KHÔNG ĐƯỢC LÀM</b>	
40.	<b>Điều 18. Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ</b>	<b>Điều 17. Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ</b>	
41.	<p>1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.</p> <p>2. Sử dụng tài sản của Nhà nước và của Nhân dân trái pháp luật.</p> <p>3. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.</p>	<p>1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.</p> <p>2. Né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ và các đề xuất đổi mới, sáng tạo.</p> <p>3. Sử dụng tài sản của Nhà nước và của Nhân dân trái pháp luật.</p>	<p>Dự thảo giữ nguyên nội dung của quy định hiện hành; bổ sung nội “Né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, ...) tại khoản 2 để làm căn cứ xử lý trường hợp cán bộ, công chức né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, góp phần chấn chỉnh kỷ</p>

	4. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.	4. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi. 5. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.	cương, kỷ luật hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.
42.	<b>Điều 19. Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến bí mật nhà nước</b>		Dự thảo bỏ quy định này do các quy định liên quan đến bí mật nhà nước được thực hiện theo Luật Bí mật nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.
43.	1. Cán bộ, công chức không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức. 2. Cán bộ, công chức làm việc ở ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước thì trong thời hạn ít nhất là 05 năm, kể từ khi có quyết định nghỉ hưu, thôi việc, không được làm công việc có liên quan đến ngành, nghề mà trước đây mình đã đảm nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài. 3. Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề, công việc, thời hạn mà cán bộ, công chức không được làm và chính sách đối với những người phải áp dụng quy định tại Điều này.		
44.	<b>Điều 20. Những việc khác cán bộ, công chức không được làm</b>	<b>Điều 18. Những việc khác cán bộ, công chức không được làm</b>	
45.	Ngoài những việc không được làm quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này, cán bộ, công chức còn không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.	Ngoài những việc không được làm quy định tại Điều 19 của Luật này, cán bộ, công chức còn không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và những việc khác	Dự thảo kế thừa, giữ nguyên quy định hiện hành.

		theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.	
46.		<b>CHƯƠNG III</b>	Thực hiện cơ chế quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, Dự thảo đã bổ sung các nội dung: (1) Khái niệm vị trí việc làm; (2) Phân loại, nội dung vị trí việc làm của cán bộ, của công chức; (3) Căn cứ xác định vị trí việc làm; (4) Tuyển dụng, bố trí công chức theo vị trí việc làm; (5) Đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm. Về vị trí việc làm cán bộ sẽ do cơ quan có thẩm quyền của Đảng quy định, hướng dẫn Vị trí việc làm của công chức chia làm 03 loại, so với quy định hiện hành giảm 01 loại (Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung) do “Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ” đã bao gồm. Về nội dung vị trí việc làm: Dự thảo quy định đối với cán bộ và công chức. Trong đó, đối với cán bộ, bao gồm: 1) Tên gọi; 2) Tiêu chuẩn chức vụ, chức danh; 3) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm. Những nội dung này sẽ quy định cụ thể đối với từng nhóm
		<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM</b>	
		<b>Điều 19. Phân loại, nội dung vị trí việc làm</b>	
		1. Vị trí việc làm bao gồm vị trí việc làm cán bộ và vị trí việc làm công chức. 2. Vị trí việc làm của công chức gồm: a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; b) Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ; c) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ. Đối với vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ thì cơ quan quản lý công chức có thể ký kết hợp đồng lao động để thực hiện. 3. Cơ quan quản lý công chức có thể ký kết hợp đồng lao động đối với những người có tài năng, chuyên gia, nhà khoa học để thực hiện một số công việc chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 4. Nội dung vị trí việc làm của cán bộ a) Tên gọi vị trí việc làm; b) Tiêu chuẩn chức vụ, chức danh; c) Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm 5. Nội dung vị trí việc làm của công chức a) Tên gọi vị trí việc làm; b) Bản mô tả công việc (nội dung công việc và kết quả của công việc, khung năng lực).	
		<b>Điều 20. Căn cứ xác định vị trí việc làm của công chức</b>	
	1. Căn cứ xác định vị trí việc làm của công chức		

		<p>a) Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức;</p> <p>b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;</p> <p>c) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số;</p> <p>d) Ngoài quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này, các cơ quan, tổ chức ở địa phương tùy theo vị trí địa lý; tính chất, quy mô, cơ cấu dân số; tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; tình hình an ninh - trật tự của địa phương để cụ thể thêm cho phù hợp.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết về vị trí việc làm.</p>	<p>hoặc từng chức vụ, chức danh cụ thể.</p> <p>Đối với công chức, bao gồm:</p> <p>1) Tên gọi vị trí việc làm; 2) Bản mô tả công việc. Trong đó, bản mô tả công việc sẽ gồm: Nội dung công việc cụ thể gắn với kết quả; khung năng lực (các yêu cầu cụ thể về trình độ, kiến thức, kỹ năng và các yếu tố liên quan đến thái độ, tính cách)</p> <p>Bên cạnh đó, triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW<sup>4</sup>), Dự thảo đưa ra các quy định “Cho phép cơ quan quản lý công chức được quyền ký kết hợp đồng lao động đối với những người có tài năng, chuyên gia, nhà khoa học nhằm tăng cường sự tham gia và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực của khu vực tư (đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao), đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước trong tình hình mới”</p> <p>Ngoài ra, để tạo sự năng động, linh hoạt và tăng cường</p>
--	--	---	---

<sup>4</sup> Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/1/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

			<p>tính cạnh tranh, nâng cao hiệu quả hoạt động của nền công vụ, Dự án Luật đề xuất Quốc hội cho phép cơ quan quản lý công chức được ký hợp đồng đối với loại vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức.</p> <p>Đối với các nội dung cần cụ thể, chi tiết như: (1) Nguyên tắc xác định vị trí việc làm; (2) Phương pháp, trình tự xác định vị trí việc làm; (3) Xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực của vị trí việc làm; (4) Xây dựng, ban hành hệ thống vị trí việc làm; (5) Trách nhiệm, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, ban hành vị trí việc làm; (6) Quản lý việc làm của công chức,... Dự thảo trình Quốc hội giao Chính phủ quy định.</p>
47.	<b>Chương III</b>	<b>CHƯƠNG IV</b>	
48.	<b>CÁN BỘ Ở TRUNG ƯƠNG, CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN</b>	<b>CÁN BỘ</b>	Tên điều được sửa đổi cho gọn và phù hợp nhưng vẫn đảm bảo bao quát.
49.	<b>Điều 21. Cán bộ</b>		
50.	1. Cán bộ quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này bao gồm cán bộ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện.		



	<p>2. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam căn cứ vào điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, của tổ chức chính trị - xã hội và quy định của Luật này quy định cụ thể chức vụ, chức danh cán bộ làm việc trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>3. Chức vụ, chức danh cán bộ làm việc trong cơ quan nhà nước được xác định theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Kiểm toán nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>		<p>Dự thảo bỏ điều 21, 22 vì các lý do sau đây: 1) Nội dung của khoản 1, Điều 21 đã được nêu tại Điều 2 dự thảo Luật; 2) Nội dung của khoản 2, khoản 3 không còn phù hợp; 3) Nội dung của Điều 22 đã được quy định tại Mục 1, Chương II (từ Điều 9 đến Điều 11) Dự thảo Luật.</p>
51.	<b>Điều 22. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ</b>		
52.	<p>1. Thực hiện các nghĩa vụ, quyền quy định tại Chương II và các quy định khác có liên quan của Luật này.</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức mà mình là thành viên.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, Nhân dân và trước cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p>		
53.	<b>Điều 23. Bầu cử, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội</b>	<b>Điều 21. Bầu cử, bổ nhiệm hoặc chỉ định chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội</b>	
54.	Việc bầu cử, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam,	1. Việc bầu cử, bổ nhiệm hoặc <b>chỉ định</b> chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan của Đảng	Dự thảo đã gộp 2 Điều, giữ nguyên nội dung; chỉ bổ sung

	tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của điều lệ, pháp luật có liên quan.	Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của điều lệ, pháp luật có liên quan.	cụm từ “chỉ định” cho phù hợp với quy định của Đảng.
55.	<b>Điều 24. Bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan nhà nước</b>		
56.	Việc bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ theo nhiệm kỳ trong cơ quan nhà nước từ trung ương đến cấp huyện được thực hiện theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.	2. Việc bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ theo nhiệm kỳ trong cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các Luật khác có liên quan.	
57.	<b>Điều 25. Đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ</b>	<b>Điều 22. Thực hiện công tác cán bộ</b>	Dự thảo gộp 2 Điều và trình bày gọn lại nhưng vẫn bảo đảm bao quát, đúng theo các quy định hiện hành về công tác cán bộ.
	1. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn, chức vụ, chức danh cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với quy hoạch cán bộ. 2. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ do cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định.	Việc điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ và các nội dung khác liên quan đến công tác cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.	
58.	<b>Điều 26. Điều động, luân chuyển cán bộ</b>		
	1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, quy hoạch cán bộ, cán bộ được điều động, luân chuyển trong hệ thống các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. 2. Việc điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.		
59.	<b>Điều 27. Mục đích đánh giá cán bộ</b>	<b>Điều 23. Đánh giá cán bộ</b>	

	Đánh giá cán bộ để làm rõ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ.	1. Đánh giá cán bộ để làm rõ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ.	Dự thảo đã gộp 3 điều (từ Điều 27 đến Điều 29) và kế thừa các quy định hiện hành.
60.	<b>Điều 28. Nội dung đánh giá cán bộ</b>	2. Nội dung đánh giá cán bộ	
	1. Cán bộ được đánh giá theo các nội dung sau đây: a) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc; c) Năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; d) Tinh thần trách nhiệm trong công tác; đ) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. 2. Việc đánh giá cán bộ được thực hiện hàng năm, trước khi bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, quy hoạch, điều động, đào tạo, bồi dưỡng, khi kết thúc nhiệm kỳ, thời gian luân chuyển. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.	a) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc; c) Năng lực lãnh đạo, điều hành, trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ; d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. 3. Việc đánh giá cán bộ được thực hiện hàng năm, trước khi bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, chỉ định, quy hoạch khi kết thúc nhiệm kỳ, thời gian luân chuyển. 4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền. 5. Căn cứ vào kết quả đánh giá, cán bộ được xếp loại theo các mức như sau: a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; c) Hoàn thành nhiệm vụ; d) Không hoàn thành nhiệm vụ. 6. Kết quả xếp loại đánh giá cán bộ được lưu vào hồ sơ cán bộ, thông báo đến cán bộ được đánh giá và công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác. 7. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền miễn nhiệm đối với cán bộ có 02 năm liên tiếp được	
61.	<b>Điều 29. Xếp loại chất lượng cán bộ</b>		
62.	1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, cán bộ được xếp loại chất lượng theo các mức như sau: a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; c) Hoàn thành nhiệm vụ; d) Không hoàn thành nhiệm vụ. 2. Kết quả xếp loại chất lượng cán bộ được lưu vào hồ sơ cán bộ, thông báo đến cán bộ được		

	đánh giá và công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác. 3. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền miễn nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đối với cán bộ có 02 năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.	xếp loại đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.	
63.	<b>Điều 30. Xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm</b>	<b>Điều 24. Thôi làm nhiệm vụ, thôi việc, từ chức, miễn nhiệm và nghỉ hưu đối với cán bộ</b>	
64.	1. Cán bộ có thể xin thôi làm nhiệm vụ hoặc từ chức, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không đủ sức khỏe; b) Không đủ năng lực, uy tín; c) Theo yêu cầu nhiệm vụ; d) Vì lý do khác. 2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.	1. Việc thôi làm nhiệm vụ, thôi việc, từ chức, miễn nhiệm được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền. 2. Nghỉ hưu đối với cán bộ a) Cán bộ được nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động. b) Trước 06 tháng, tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ phải thông báo cho cán bộ bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ ra quyết định nghỉ hưu. c) Đối với cán bộ giữ chức vụ từ Bộ trưởng hoặc tương đương trở lên thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	Đối với nội dung quy định tại Điều 30, 31, Dự thảo đã: 1) Trình bày gọn lại Điều 30 vì các nội dung cụ thể đang được quy định và triển khai theo quy định của cấp có thẩm quyền (Đảng, Quốc hội); 2) Ghép nội dung của Điều 31 thành khoản 2 của Điều 24 Dự thảo.
65.	<b>Điều 31. Nghỉ hưu đối với cán bộ</b>		
66.	1. Cán bộ được nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động. 2. Trước 06 tháng, tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ phải thông báo cho cán bộ bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ ra quyết định nghỉ hưu.		

	3. Trong trường hợp đặc biệt, đối với cán bộ giữ chức vụ từ Bộ trưởng hoặc tương đương trở lên có thể được kéo dài thời gian công tác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.		
67.	<b>Chương IV</b>	<b>CHƯƠNG V</b>	Tên Chương và tên Mục được sửa đổi cho phù hợp nhưng vẫn bảo đảm bao quát đối tượng.
68.	<b>CÔNG CHỨC Ở TRUNG ƯƠNG, CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN</b>	<b>CÔNG CHỨC</b>	
69.	<b>Mục 1.</b>	<b>Mục 1.</b>	
70.	<b>CÔNG CHỨC VÀ PHÂN LOẠI CÔNG CHỨC</b>	<b>PHÂN LOẠI CÔNG CHỨC</b>	
71.	<b>Điều 32. Công chức</b>	<b>Điều 25. Phân loại công chức</b>	
72.	<p>1. Công chức quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này bao gồm:</p> <p>a) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>b) Công chức trong cơ quan nhà nước;</p> <p>c) (được bãi bỏ)</p> <p>d) Công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an.</p> <p>2. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.</p>	<p>1. Theo cơ quan công tác</p> <p>a) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>b) Công chức trong cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Theo phạm vi hoạt động</p> <p>a) Công chức làm việc ở các cơ quan Trung ương;</p> <p>b) Công chức làm việc ở các cơ quan cấp tỉnh;</p> <p>c) Công chức làm việc ở các cơ quan cấp xã.</p>	Dự thảo đã trình bày lại như sau: 1) Giữ nguyên điểm a, b (có bổ sung cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”) khoản 1 Điều 32; 2) Bỏ điểm c, d khoản 1; khoản 2 Điều 32; 3) Bỏ toàn bộ Điều 34 vì không còn phù hợp khi chuyển sang quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm
73.	<b>Điều 34. Phân loại công chức</b>		
74.	<p>1. Căn cứ vào lĩnh vực ngành, nghề, chuyên môn, nghiệp vụ, công chức được phân loại theo ngạch công chức tương ứng sau đây:</p> <p>1. Căn cứ vào lĩnh vực ngành, nghề, chuyên môn, nghiệp vụ, công chức được phân loại theo ngạch công chức tương ứng sau đây:</p> <p>a) Loại A gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;</p>		

	<p>b) Loại B gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương;</p> <p>c) Loại C gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương;</p> <p>d) Loại D gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên;</p> <p>đ) Loại đối với ngạch công chức quy định tại điểm e khoản 1 Điều 42 của Luật này theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Căn cứ vào vị trí công tác, công chức được phân loại như sau:</p> <p>a) Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;</p> <p>b) Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p>		
75.	<b>Điều 33. Nghĩa vụ, quyền của công chức</b>		Nội dung này đã quy định tại Mục 1, Chương I, Dự thảo Luật (từ Điều 9 đến Điều 11)
76.	<p>1. Thực hiện các nghĩa vụ, quyền quy định tại Chương II và các quy định khác có liên quan của Luật này.</p> <p>2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, pháp luật.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p>		
77.	<b>Mục 2.</b>	<b>Mục 2.</b>	
78.	<b>TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC</b>	<b>TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC</b>	
79.	<b>Điều 38. Nguyên tắc tuyển dụng công chức</b>	<b>Điều 26. Nguyên tắc tuyển dụng công chức</b>	
80.	<p>1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.</p> <p>2. Bảo đảm tính cạnh tranh.</p> <p>3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.</p>	<p>1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.</p> <p>2. Bảo đảm tính cạnh tranh.</p> <p>3. Tuyển chọn theo yêu cầu của vị trí việc làm.</p> <p>4. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số.</p>	Dự thảo giữ nguyên nội dung của khoản 1, 2 và 4; sửa đổi khoản 3 thành “Tuyển chọn theo yêu cầu của vị trí việc

	4. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số.		làm”; bỏ Điều 35 vì nội dung này đã đưa vào nguyên tắc tuyển dụng.
81.	<b>Điều 35. Căn cứ tuyển dụng công chức</b>		
82.	Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.		
83.	<b>Điều 36. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức</b>	<b>Điều 27. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức</b>	
84.	<p>1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:</p> <p>a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;</p> <p>b) Đủ 18 tuổi trở lên;</p> <p>c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;</p> <p>d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;</p> <p>đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;</p> <p>e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.</p> <p>2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:</p> <p>a) Không cư trú tại Việt Nam;</p> <p>b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.</p>	<p>1. Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển công chức:</p> <p>a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;</p> <p>b) Đủ 18 tuổi trở lên;</p> <p>c) Có đơn dự tuyển;</p> <p>d) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lý lịch rõ ràng;</p> <p>đ) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>e) Các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.</p> <p>2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:</p> <p>a) Không cư trú tại Việt Nam;</p> <p>b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.</p>	Dự thảo giữ nguyên nội dung, có chỉnh lý cách sắp xếp thứ tự một số điểm, bố trí một số cụm từ cho phù hợp hơn.
85.	<b>Điều 37. Phương thức tuyển dụng công chức</b>	<b>Điều 28. Phương thức, thẩm quyền tuyển dụng công chức</b>	

<p>1. Việc tuyển dụng công chức được thực hiện thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển công chức phải phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm trong từng ngành, nghề, bảo đảm lựa chọn được người có phẩm chất, trình độ và năng lực.</p> <p>2. Việc tuyển dụng công chức thông qua xét tuyển được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đối với từng nhóm đối tượng sau đây:</p> <p>a) Cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</p> <p>b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học;</p> <p>c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.</p> <p>3. Ngoài hình thức tuyển dụng thông qua thi tuyển và xét tuyển, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định tiếp nhận người đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm vào làm công chức đối với trường hợp sau đây:</p> <p>a) Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Cán bộ, công chức cấp xã;</p> <p>c) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức;</p> <p>d) Tiếp nhận để bổ nhiệm làm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với người đang là</p>	<p>1. Việc tuyển dụng công chức vào vị trí việc làm được thực hiện thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc tiếp nhận.</p> <p>2. Thẩm quyền tuyển dụng công chức do cơ quan quản lý công chức thực hiện hoặc do cơ quan sử dụng công chức thực hiện theo phân cấp.</p> <p>3. Căn cứ vào kết quả tuyển dụng, cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức ban hành quyết định tuyển dụng và bố trí vào vị trí việc làm đối với người trúng tuyển.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Nội dung này trong Dự thảo được trình bày gọn lại theo hướng nêu nguyên tắc, các nội dung cụ thể sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
---	--	--



	<p>Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người đang giữ chức vụ, chức danh quản lý khác theo quy định của Chính phủ trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; người được tiếp nhận phải được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm hoặc chức vụ tương đương;</p> <p>đ) Người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.</p> <p>4. Các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được xem xét tiếp nhận vào làm công chức nếu không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật này; các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này còn phải có đủ 05 năm công tác trở lên phù hợp với lĩnh vực tiếp nhận.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
87.	<b>Điều 39. Tuyển dụng công chức</b>		
88.	<p>1. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức bao gồm:</p> <p>a) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước thực hiện tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý;</p>		<p>Dự thảo bỏ Điều này vì: 1) Thẩm quyền tuyển dụng đã được quy định tại khoản 2 Điều 28 dự thảo Luật; 2) Cơ quan quản lý công chức và thẩm quyền quản lý công chức đã được nêu rõ trong khái niệm nêu tại khoản 1, Điều 8 Dự thảo.</p>

	<p>b) Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước thực hiện tuyển dụng công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý;</p> <p>c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý;</p> <p>đ) Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của tổ chức chính trị - xã hội tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.</p> <p>2. Thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào công chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 37 của Luật này. Việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm công khai, minh bạch, thiết thực, hiệu quả.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.</p>		
89.	<b>Điều 40. Tập sự đối với công chức</b>		Nội dung này sẽ do Chính phủ quy định cụ thể khi hướng dẫn Điều 28 Dự thảo.
90.	Người được tuyển dụng vào công chức phải thực hiện chế độ tập sự theo quy định của Chính phủ.		
91.	<b>Điều 41. Tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán, Kiểm sát viên</b>	<b>Điều 29. Tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán, Kiểm sát viên</b>	
92.	Việc tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ	Việc tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp	Dự thảo kế thừa, giữ nguyên quy định này.

	chức Tòa án nhân dân và pháp luật về tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.	luật về tổ chức Tòa án nhân dân và pháp luật về tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.	
93.	<b>Mục 3</b>	<b>Mục 3</b>	Nội dung của Điều 31, 32 cụ thể như sau: 1) Hệ thống vị trí việc làm của công chức được xếp theo thứ bậc; thể hiện các mức độ khác nhau về tính chất công việc cũng như các yêu cầu về khung năng lực tương ứng, trên cơ sở đó để tuyển dụng, đánh giá, sử dụng, quản lý công chức và trả lương theo nguyên tắc “làm ở vị trí việc làm nào thì hưởng mức lương tương ứng của vị trí việc làm ấy”; 2) Việc xác định thứ bậc của vị trí việc làm căn cứ vào tiêu chuẩn chức vụ, chức danh, bản mô tả công việc và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị; 3) Khi công chức thay đổi vị trí việc làm thì được hưởng tiền lương và các chế độ liên quan theo vị trí việc làm mới. Các nội dung cụ thể sẽ giao Chính phủ quy định. Các nội dung từ Điều 42 đến Điều 46 được lược bỏ để phù hợp với mô hình quản lý công chức theo vị trí việc làm
94.	<b>CÁC QUY ĐỊNH VỀ NGẠCH CÔNG CHỨC</b>	<b>BỐ TRÍ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM</b>	
95.	<b>Điều 42. Ngạch công chức và việc bổ nhiệm vào ngạch công chức</b>	<b>Điều 30. Hệ thống vị trí việc làm</b>	
96.	1. Ngạch công chức bao gồm: 1. Ngạch công chức bao gồm: a) Chuyên viên cao cấp và tương đương; b) Chuyên viên chính và tương đương; c) Chuyên viên và tương đương; d) Cán sự và tương đương; đ) Nhân viên; e) Ngạch khác theo quy định của Chính phủ.	Hệ thống vị trí việc làm của công chức được xếp theo thứ bậc căn cứ vào tiêu chuẩn chức vụ, chức danh, bản mô tả công việc và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong hệ thống của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã.	
97.	2. Việc bổ nhiệm vào ngạch phải bảo đảm các điều kiện sau đây:	<b>Điều 31. Bố trí công chức khi thay đổi vị trí việc làm</b>	
98.	a) Người được bổ nhiệm có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch; b) Việc bổ nhiệm vào ngạch phải đúng thẩm quyền và bảo đảm cơ cấu công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 3. Việc bổ nhiệm vào ngạch công chức được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Người được tuyển dụng đã hoàn thành chế độ tập sự; b) Công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch; c) Công chức chuyển sang ngạch tương đương.	1. Việc thay đổi vị trí việc làm của công chức sang vị trí việc làm mới ở thứ bậc cao hơn phải thực hiện thông qua hình thức thi hoặc xét do cơ quan quản lý công chức quyết định. 2. Việc thay đổi vị trí việc làm của công chức sang vị trí việc làm mới tương đương hoặc ở thứ bậc thấp hơn do cơ quan quản lý công chức quyết định hoặc cơ quan sử dụng công chức quyết định theo phân cấp. 3. Khi công chức thay đổi vị trí việc làm thì được hưởng tiền lương và các chế độ liên quan theo vị trí việc làm mới. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
99.	<b>Điều 43. Chuyển ngạch công chức</b>		
100	1. Chuyển ngạch là việc công chức đang giữ ngạch của ngành chuyên môn này được bổ nhiệm sang ngạch của ngành chuyên môn khác có cùng thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ.		

	<p>2. Công chức được chuyển ngạch phải có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch được chuyển và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. Công chức được giao nhiệm vụ không phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức đang giữ thì phải được chuyển ngạch cho phù hợp.</p> <p>4. Không thực hiện nâng ngạch, nâng lương khi chuyển ngạch.</p>		
101	<b>Điều 44. Nâng ngạch công chức</b>		
102	<p>1. Việc nâng ngạch công chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, phù hợp với cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị và được thực hiện thông qua thi nâng ngạch hoặc xét nâng ngạch.</p> <p>2. Công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch cao hơn thì được đăng ký dự thi nâng ngạch hoặc xét nâng ngạch.</p> <p>3. Việc thi nâng ngạch, xét nâng ngạch phải bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.</p> <p>4. Công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch hoặc xét nâng ngạch được bổ nhiệm vào ngạch công chức cao hơn và được xem xét bố trí vào vị trí việc làm tương ứng.</p>		
103	<b>Điều 45. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức</b>		
104	<p>1. Công chức dự thi nâng ngạch phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề</p>		

	<p>trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật này;</p> <p>b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;</p> <p>c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ của ngạch công chức đăng ký dự thi;</p> <p>d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức.</p> <p>2. Công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này thì được xét nâng ngạch công chức trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ trong thời gian giữ ngạch công chức hiện giữ, được cấp có thẩm quyền công nhận;</p> <p>b) Được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
105	<p><b>Điều 46. Tổ chức thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức</b></p>		
106	<p>1. Nội dung và hình thức thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức phải phù hợp với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch, bảo đảm lựa chọn công chức có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo tiêu chuẩn của ngạch và đáp</p> <p>2. Chính phủ quy định thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức phù hợp</p>		

	với phân cấp quản lý công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội. ứng yêu cầu nhiệm vụ.		
107	<b>Mục 6</b>	<b>Mục 4</b>	
108	<b>ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC</b>	
109	<b>Điều 55. Mục đích đánh giá công chức</b>	<b>Điều 32. Quy định chung về đánh giá công chức</b>	a) Nội dung quy định tại Điều 32 Dự thảo bao gồm: 1) Gộp và chỉnh lý Điều 55 và Điều 57; 2) Chuyển quy định về thời điểm đánh giá (khoản 3 Điều 56 Luật Cán bộ, công chức); 3) Bổ sung cụm từ “ <b>kết quả, sản phẩm theo yêu cầu của vị trí việc làm, mức độ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm</b> ”.
110	Đánh giá công chức để làm rõ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với công chức.	1. Mục đích đánh giá b) Việc đánh giá phải căn cứ vào phẩm chất chính trị, đạo đức, <b>kết quả, sản phẩm theo yêu cầu của vị trí việc làm, mức độ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.</b> c) Kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, sàng lọc và thực hiện chính sách đối với công chức theo vị trí việc làm.	
111	<b>Điều 57. Trách nhiệm đánh giá công chức</b>		
112	1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức có trách nhiệm đánh giá công chức thuộc quyền. 2. Việc đánh giá người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý trực tiếp thực hiện.	2. Thẩm quyền đánh giá Việc đánh giá công chức do cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan sử dụng công chức thực hiện theo phân cấp. 3. Thời điểm đánh giá công chức được thực hiện như sau: a) Đánh giá định kỳ hằng năm; b) Đánh giá trước khi thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động; kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái. 4. Căn cứ vào yêu cầu quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức quy định đánh giá công chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm, đặc thù	

		<p>công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, định lượng bằng kết quả, sản phẩm cụ thể.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
113	<b>Điều 56. Nội dung đánh giá công chức</b>	<b>Điều 33. Nội dung đánh giá</b>	
114	<p>1. Công chức được đánh giá theo các nội dung sau đây:</p> <p>a) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc;</p> <p>c) Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;</p> <p>d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải gắn với vị trí việc làm, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể;</p> <p>đ) Tinh thần trách nhiệm và phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>e) Thái độ phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp đối với những vị trí tiếp xúc trực tiếp hoặc trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.</p> <p>2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý còn được đánh giá theo các nội dung sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch làm việc và kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý; việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân phải gắn với kết quả thực hiện</p>	<p>1. Công chức được đánh giá theo các nội dung sau đây:</p> <p>a) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc;</p> <p>b) Thái độ phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp đối với những vị trí tiếp xúc trực tiếp hoặc trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp;</p> <p>c) Năng lực, trách nhiệm và khả năng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm;</p> <p>d) Kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.</p> <p>2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý còn được đánh giá theo các nội dung sau đây:</p> <p>a) Kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý theo kế hoạch làm việc;</p> <p>b) Năng lực tập hợp, đoàn kết;</p> <p>c) Tinh thần đổi mới, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.</p>	<p>Nội dung đánh giá tại Dự thảo: 1) Về cơ bản là kế thừa nội dung hiện hành; 2) Chính lý một số nội dung theo hướng lấy các mặt công tác được thể hiện qua khi công chức thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm để đánh giá; 3) Trình bày gọn lại nội dung đánh giá đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p>

	<p>nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách. Mức xếp loại chất lượng của cá nhân không cao hơn mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách;</p> <p>b) Tiến độ, chất lượng các công việc được giao;</p> <p>c) Năng lực lãnh đạo, quản lý;</p> <p>d) Năng lực tập hợp, đoàn kết.</p> <p>3. Thời điểm đánh giá công chức được thực hiện như sau:</p> <p>a) Đánh giá hàng năm; đánh giá trước khi thực hiện xét nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động; đánh giá trước khi kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái;</p> <p>b) Căn cứ vào yêu cầu quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức quy định đánh giá công chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với đặc thù công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, định lượng bằng kết quả, sản phẩm cụ thể; kết quả đánh giá là căn cứ để thực hiện đánh giá công chức quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>4. Căn cứ vào quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức ban hành quy chế đánh giá công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
115	<b>Điều 58. Xếp loại chất lượng công chức</b>	<b>Điều 34. Xếp loại đánh giá công chức</b>	
116	<p>1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, công chức được xếp loại chất lượng theo các mức như sau:</p> <p>a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;</p> <p>b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;</p>	<p>1. Việc xếp loại công chức theo kết quả đánh giá quy định tại khoản 3 Điều 32 theo các mức như sau:</p> <p>a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;</p>	<p>Nội dung này được soạn thảo như sau: 1) Chủ yếu kế thừa những quy định hiện hành; 2) <b>Quy định kiên quyết hơn,</b></p>



	<p>c) Hoàn thành nhiệm vụ; d) Không hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>2. Kết quả xếp loại chất lượng công chức được lưu vào hồ sơ công chức, thông báo đến công chức được đánh giá và được thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức công tác.</p> <p>3. Việc xử lý công chức không hoàn thành nhiệm vụ được quy định như sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cho thôi việc đối với công chức có 02 năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;</p> <p>b) Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có 02 năm không liên tiếp trong thời hạn bổ nhiệm được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ thì bố trí công tác khác hoặc không bổ nhiệm lại;</p> <p>c) Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong 03 năm có 02 năm không liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ ở vị trí việc làm đang đảm nhận thì bố trí vào vị trí việc làm có yêu cầu thấp hơn.</p>	<p>b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; c) Hoàn thành nhiệm vụ; d) Không hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>2. Việc xử lý công chức không hoàn thành nhiệm vụ được quy định như sau:</p> <p>a) <b>Công chức xếp loại đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ thì cơ quan quản lý công chức đưa vào diện theo dõi. Nếu sau 6 tháng vẫn không đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm thì cơ quan quản lý công chức bố trí vào vị trí việc làm ở thứ bậc thấp hơn. Trường hợp không có vị trí việc làm ở thứ bậc thấp hơn thì cơ quan quản lý công chức cho thôi việc.</b></p> <p>b) Công chức có 02 năm liên tiếp được xếp loại đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ thì cơ quan quản lý công chức cho thôi việc.</p> <p>3. Kết quả xếp loại đánh giá công chức được lưu vào hồ sơ công chức, thông báo đến công chức được đánh giá và được thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức công tác.</p>	<p><b> mạnh mẽ đối với trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ để thực hiện sàng lọc, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức.</b></p>
117	<b>Mục 4</b>	<b>Mục 5</b>	
118	<b>ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC</b>	<b>ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC</b>	
119	<b>Điều 47. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng công chức</b>		
120	<p>1. Nội dung, chương trình, hình thức, thời gian đào tạo, bồi dưỡng công chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, tiêu chuẩn của ngạch công chức và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.</p>		

	<p>2. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng công chức bao gồm:</p> <p>a) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức;</p> <p>b) Đào tạo, bồi dưỡng theo các chức danh lãnh đạo, quản lý.</p> <p>3. Nội dung, chương trình, thời gian đào tạo, bồi dưỡng công chức do Chính phủ quy định.</p>			
121	<b>Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong đào tạo, bồi dưỡng công chức</b>	<b>Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong đào tạo, bồi dưỡng</b>		<p>Các nội dung quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (từ Điều 35 đến Điều 36 Dự thảo) được soạn thảo theo hướng: 1) Trình bày gọn hơn và mang tính nguyên tắc; 2) Các nội dung cụ thể về chế độ đào tạo, bồi dưỡng (theo yêu cầu của vị trí việc làm), đền bù kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, ... được giao cho Chính phủ quy định.</p>
122	<p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức có trách nhiệm xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn và nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức có trách nhiệm tạo điều kiện để công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.</p> <p>3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cử công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, hành chính hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>Công chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hưởng nguyên lương và phụ cấp; thời gian đào tạo, bồi dưỡng được xét nâng lương theo quy định của pháp luật. Công chức đã được đào tạo, bồi dưỡng nếu tự ý bỏ việc, thôi việc phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
123	<b>Điều 49. Trách nhiệm và quyền lợi của công chức trong đào tạo, bồi dưỡng</b>	<b>Điều 36. Trách nhiệm của công chức trong đào tạo, bồi dưỡng</b>		
124	<p>1. Công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.</p> <p>2. Công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hưởng nguyên lương và phụ cấp; thời gian đào</p>	<p>1. Công chức có trách nhiệm học tập để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.</p> <p>2. Công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.</p>		

	<p>tao, bồi dưỡng được tính vào thâm niên công tác liên tục, được xét nâng lương theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công chức đạt kết quả xuất sắc trong khóa đào tạo, bồi dưỡng được biểu dương, khen thưởng.</p> <p>4. Công chức đã được đào tạo, bồi dưỡng nếu tự ý bỏ việc, xin thôi việc phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.</p>		
125	<b>Mục 5</b>	<b>Mục 6</b>	
126	<b>ĐIỀU ĐỘNG, BỔ NHIỆM, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC</b>	<b>ĐIỀU ĐỘNG, BỔ NHIỆM, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC</b>	
127	<b>Điều 50. Điều động công chức</b>	<b>Điều 37. Điều động, bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>	
128	<p>1. Việc điều động công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.</p> <p>2. Công chức được điều động phải đạt yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm mới.</p>	<p>1. Điều động công chức</p> <p>a) Việc điều động công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.</p> <p>b) Công chức được điều động phải đạt yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm mới.</p>	Điều 37 Dự thảo được soạn thảo trên cơ sở ghép và kế thừa nội dung của Điều 50 và Điều 51.
129	<b>Điều 51. Bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý</b>	<p>2. Bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý</p> <p>a) Việc giao công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.</p> <p>b) Thời hạn bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là 05 năm; khi hết thời hạn, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.</p>	
130	<p>1. Việc bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào:</p> <p>a) Nhu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>b) Tiêu chuẩn, điều kiện của chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>3. Công chức được điều động đến cơ quan, tổ</p>	

	<p>2. Thời hạn bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là 05 năm; khi hết thời hạn, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.</p> <p>3. Công chức được điều động đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý mới thì đương nhiên thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang đảm nhiệm, trừ trường hợp kiêm nhiệm.</p>	<p>chức, đơn vị khác hoặc được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý mới thì đương nhiên thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang đảm nhiệm, trừ trường hợp kiêm nhiệm.</p> <p>4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền và quy định của Chính phủ.</p>	
131	<b>Điều 52. Luân chuyển công chức</b>	<b>Điều 38. Luân chuyển công chức</b>	
132	<p>1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch sử dụng công chức, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển trong hệ thống các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>2. Chính phủ quy định cụ thể việc luân chuyển công chức</p>	<p>Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch sử dụng cán bộ, công chức, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển trong hệ thống các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền và của Chính phủ.</p>	<p>Nội dung Điều 38, 39 Dự thảo được biên soạn trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung như: Thẩm quyền, trình tự, thủ tục,...</p>
133	<b>Điều 53. Biệt phái công chức</b>	<b>Điều 39. Biệt phái công chức</b>	
134	<p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức biệt phái công chức đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ.</p> <p>2. Thời hạn biệt phái không quá 03 năm, trừ một số ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định.</p> <p>3. Công chức biệt phái phải chấp hành phân công công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi được cử đến biệt phái.</p> <p>4. Công chức biệt phái đến miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Cơ quan quản lý công chức biệt phái công chức đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ.</p> <p>2. Thời hạn biệt phái không quá 03 năm, trừ một số ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận biệt phái có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho công chức biệt phái. Công chức biệt phái phải chấp hành phân công công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi được cử đến biệt phái.</p> <p>4. Công chức biệt phái đến miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc</p>	

	<p>5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức biệt phái có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho công chức khi hết thời hạn biệt phái.</p> <p>6. Không thực hiện biệt phái công chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.</p>	<p>biệt khó khăn được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức biệt phái có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho công chức khi hết thời hạn biệt phái.</p> <p>6. Không thực hiện biệt phái công chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.</p> <p>7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục biệt phái công chức được thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền và của Chính phủ.</p>	
135	<b>Điều 54. Tù chức hoặc miễn nhiệm đối với công chức</b>	<b>Điều 40. Tù chức, miễn nhiệm đối với công chức</b>	
136	<p>1. Công chức lãnh đạo, quản lý có thể từ chức hoặc miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không đủ sức khỏe;</p> <p>b) Không đủ năng lực, uy tín;</p> <p>c) Theo yêu cầu nhiệm vụ;</p> <p>d) Vì lý do khác.</p> <p>2. Công chức lãnh đạo, quản lý sau khi từ chức hoặc miễn nhiệm được bố trí công tác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo hoặc nghỉ hưu, thôi việc.</p> <p>3. Công chức lãnh đạo, quản lý xin từ chức hoặc miễn nhiệm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền đồng ý cho từ chức hoặc miễn nhiệm vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p> <p>4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc từ chức hoặc miễn nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Việc từ chức, miễn nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Tương tự như quy định đối với cán bộ, nội dung này được trình bày gọn lại nhưng vẫn đảm bảo thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.</p>
137	<b>Mục 7</b>	<b>Mục 7</b>	

138	<b>THÔI VIỆC, NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC</b>	<b>THÔI VIỆC, NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC</b>	
139	<b>Điều 59. Thôi việc đối với công chức</b>	<b>Điều 41. Thôi việc đối với công chức</b>	
140	<p>1. Công chức được hưởng chế độ thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Do sắp xếp tổ chức;</p> <p>b) Theo nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý;</p> <p>c) Theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật này.</p> <p>2. Công chức xin thôi việc theo nguyện vọng thì phải làm đơn gửi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đơn, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản, nếu không đồng ý cho thôi việc thì phải nêu rõ lý do; trường hợp chưa được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý mà tự ý bỏ việc thì không được hưởng chế độ thôi việc và phải bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Không giải quyết thôi việc đối với công chức đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>4. Không giải quyết thôi việc đối với công chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp xin thôi việc theo nguyện vọng.</p>	<p>1. Công chức được hưởng chế độ thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Do sắp xếp tổ chức;</p> <p>b) Theo nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.</p> <p>2. Công chức xin thôi việc theo nguyện vọng thì phải làm đơn và được cấp có thẩm quyền đồng ý; trường hợp chưa được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý mà tự ý bỏ việc thì không được hưởng chế độ thôi việc và phải bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Không giải quyết thôi việc đối với công chức đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>4. Không giải quyết thôi việc đối với công chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp xin thôi việc theo nguyện vọng.</p>	Nội dung của 2 Điều này trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành.
141	<b>Điều 60. Nghỉ hưu đối với công chức</b>	<b>Điều 42. Nghỉ hưu đối với công chức</b>	
142	<p>1. Công chức được nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động.</p> <p>2. Trước 06 tháng, tính đến ngày công chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức</p>	<p>1. Công chức được nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	

	phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày công chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức ra quyết định nghỉ hưu.	2. Trước 06 tháng, tính đến ngày công chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày công chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức ra quyết định nghỉ hưu.	
143	<b>Chương V</b>		Bỏ toàn bộ nội dung của Chương này từ Điều 61 đến Điều 64 để phù hợp với chủ trương xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp
144	<b>CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ</b>		
145			
146	<b>Điều 61. Chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã</b>		
147	<b>Chương IX</b>	<b>CHƯƠNG VI</b>	
148	<b>KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b>	<b>KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ KỶ LUẬT</b>	
149	<b>Điều 76. Khen thưởng cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 43. Khen thưởng cán bộ, công chức</b>	Nội dung Điều này được kế thừa, giữ nguyên.
150	1. Cán bộ, công chức có thành tích trong công vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng. 2. Cán bộ, công chức được khen thưởng do có thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu. Chính phủ quy định cụ thể khoản này.	1. Cán bộ, công chức có thành tích trong công vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng. 2. Cán bộ, công chức được khen thưởng do có thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu theo quy định của cấp có thẩm quyền và của Chính phủ.	
151	<b>Điều 77. Miễn trách nhiệm đối với cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 44. Miễn trách nhiệm đối với cán bộ, công chức</b>	
152	Cán bộ, công chức được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây: 1. Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định trước khi chấp hành; 2. Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.	Cán bộ, công chức được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây: 1. Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định trước khi chấp hành.	Nội dung này được giữ nguyên đối với khoản 1, 3; bổ sung khoản 2 để thực hiện chủ trương bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách

		<p>2. Thực hiện đề xuất về đổi mới, sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền cho phép và được cấp có thẩm quyền xác định đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung.</p> <p>3. Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Các trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền và của pháp luật.</p>	nhiệm vì lợi ích chung; bổ sung khoản 4.
153	<b>Điều 78. Các hình thức kỷ luật đối với cán bộ</b>	<b>Điều 45. Các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức</b>	
154	<p>1. Cán bộ vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:</p> <p>a) Khiển trách; b) Cảnh cáo; c) Cách chức; d) Bãi nhiệm.</p> <p>2. Việc cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ được phê chuẩn giữ chức vụ theo nhiệm kỳ.</p> <p>3. Cán bộ phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm; trường hợp bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.</p> <p>4. Việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã</p>	<p>1. Cán bộ vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:</p> <p>a) Khiển trách; b) Cảnh cáo; c) Cách chức; d) Bãi nhiệm.</p> <p>Việc cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ được phê chuẩn giữ chức vụ theo nhiệm kỳ.</p> <p>2. Công chức vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:</p> <p>a) Khiển trách; b) Cảnh cáo; c) Cách chức; d) Buộc thôi việc.</p>	Nội dung quy định tại Điều này được kế thừa trên cơ sở ghép Điều 78, Điều 79 Luật hiện hành.



	hội và văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.		
155	<b>Điều 79. Các hình thức kỷ luật đối với công chức</b>		
156	<p>1. Công chức vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:</p> <p>a) Khiển trách;  b) Cảnh cáo;  c) Hạ bậc lương;  d) Giáng chức;  đ) Cách chức;  e) Buộc thôi việc.</p> <p>2. Hình thức giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; hình thức hạ bậc lương chỉ áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p> <p>3. Công chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bổ nhiệm.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
157	<b>Điều 80. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật</b>	<b>Điều 46. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật</b>	
158	<p>1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.</p> <p>1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết</p>	<p>1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.</p>	Về cơ bản, nội dung về này được soạn thảo trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành; có chỉnh lý cho gọn hơn; các

<p>thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:</p> <p>a) 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;</p> <p>b) 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:</p> <p>a) Cán bộ, công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;</p> <p>b) Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;</p> <p>c) Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;</p> <p>d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.</p> <p>3. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày.</p> <p>4. Trường hợp cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ</p>	<p>2. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>3. Cán bộ phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm; trường hợp bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.</p>	<p>nội dung chi tiết sẽ được Chính phủ quy định cụ thể.</p>
---	---	---

	<p>tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xem xét xử lý kỷ luật. Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự không được tính vào thời hạn xử lý kỷ luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và tài liệu có liên quan cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật.</p>		
159	<b>Điều 81. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 47. Các quy định khác liên quan đến kỷ luật cán bộ, công chức</b>	
160	<p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức có thể ra quyết định tạm đình chỉ công tác trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, nếu để cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu cán bộ, công chức bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giữ, tạm giam được tính là thời gian nghỉ việc có lý do; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ.</p> <p>2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, cán bộ, công chức được hưởng lương theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>1. Việc xử lý đối với hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu được quy định như sau:</p> <p>a) Mọi hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật.</p> <p>b) Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật.</p> <p>2. Việc thực hiện các quy định khác liên quan đến kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và của Chính phủ.</p>	<p>Nội dung của Điều 81, 82 hiện hành được biên soạn lại theo hướng gọn hơn và mang tính nguyên tắc, các nội dung cụ thể sẽ do Chính phủ quy định.</p>

161	<b>Điều 82. Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức bị kỷ luật</b>		
162	<p>1. Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị giáng chức, cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.</p> <p>2. Cán bộ, công chức bị kỷ luật thì xử lý như sau:</p> <p>a) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo hoặc hạ bậc lương thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;</p> <p>b) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức giáng chức hoặc cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;</p> <p>c) Hết thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cán bộ, công chức không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cán bộ, công chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thôi việc.</p> <p>4. Cán bộ, công chức bị kỷ luật cách chức do tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý.</p>		

163	<b>Điều 83. Quản lý hồ sơ khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức</b>		Chuyển xuống Điều 51 dự thảo Luật
164	Việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức được lưu vào hồ sơ cán bộ, công chức.		
165	<b>Chương VI</b>	<b>CHƯƠNG VII</b>	
166	<b>QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	<b>QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	
167	<b>Điều 67. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 48. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức</b>	
168	<p>1. Việc quản lý cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của Luật này, các quy định khác của pháp luật có liên quan, điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công chức. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công chức. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về công chức theo phân công, phân cấp của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về công chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>3. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện việc quản lý công chức theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. a) Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước; thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về cán bộ, công chức theo phân công, phân cấp của Chính phủ; b) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; thực hiện các nội dung quản lý nhà nước theo phân công, phân cấp của Chính phủ; c) Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức theo phân cấp của cơ</p>	Về cơ bản, nội dung này được kế thừa quy định hiện hành; thay cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”.

		quan có thẩm quyền và theo quy định của Chính phủ.	
169	<b>Điều 66. Thẩm quyền quyết định biên chế cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 49. Thẩm quyền quyết định, thực hiện quản lý biên chế cán bộ, công chức</b>	
170	<p>1. Thẩm quyền quyết định biên chế cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định biên chế công chức của Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.</p> <p>3. Chủ tịch nước quyết định biên chế công chức của Văn phòng Chủ tịch nước.</p> <p>4. Chính phủ quyết định biên chế công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cấp tỉnh.</p> <p>5. Căn cứ vào quyết định chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.</p> <p>6. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.</p>	<p>1. Việc quyết định biên chế cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Thẩm quyền thực hiện quản lý biên chế:</p> <p>a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện quản lý biên chế các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội;</p> <p>b) Chính phủ thực hiện quản lý biên chế các bộ; cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;</p> <p>c) Văn phòng Chủ tịch nước giúp Chủ tịch nước thực hiện quản lý biên chế cơ quan Văn phòng Chủ tịch nước;</p> <p>d) Tòa án nhân dân tối cao thực hiện quản lý biên chế các Tòa án nhân dân;</p> <p>đ) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện quản lý biên chế ngành Kiểm sát;</p> <p>e) Kiểm toán Nhà nước thực hiện quản lý biên chế Kiểm toán Nhà nước.</p>	Nội dung này được sửa đổi để phù hợp Quy định 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.
171	<b>Điều 68. Chế độ báo cáo về công tác quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 50. Chế độ báo cáo về công tác quản lý cán bộ, công chức</b>	
172	<p>1. Hàng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội về công tác quản lý cán bộ, công chức.</p> <p>2. Việc chuẩn bị báo cáo của Chính phủ về công tác quản lý cán bộ, công chức được quy định như sau:</p>	1. Cơ quan quản lý cán bộ, công chức có trách nhiệm thường xuyên cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức; định kỳ cập nhật, đồng bộ, ký số phê duyệt dữ liệu cán bộ, công chức để đồng bộ về Cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức,	

	<p>a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về công tác quản lý cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý;</p> <p>b) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước báo cáo về công tác quản lý cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý;</p> <p>c) Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội báo cáo về công tác quản lý công chức thuộc quyền quản lý. Các báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi đến Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, chuẩn bị báo cáo trình Quốc hội.</p> <p>3. Việc chuẩn bị báo cáo công tác quản lý cán bộ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>4. Nội dung báo cáo công tác quản lý cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Luật này.</p>	<p>viên chức; định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ để quản lý chung trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>2. Chính phủ báo cáo Quốc hội về công tác quản lý cán bộ, công chức khi có yêu cầu.</p>	
173	<b>Điều 69. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức</b>	<b>Điều 51. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức</b>	
174	<p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý. Hồ sơ cán bộ, công chức phải có đầy đủ tài liệu theo quy định, bảo đảm chính xác diễn biến, quá trình công tác của cán bộ, công chức.</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hướng dẫn việc lập, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý.</p>	<p>1. Cơ quan quản lý có trách nhiệm thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền thực hiện số hóa hồ sơ cán bộ, công chức.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức phải có đầy đủ tài liệu theo quy định, bảo đảm chính xác diễn biến, quá trình công tác của cán bộ, công chức.</p>	

	3. Bộ Nội vụ hướng dẫn việc lập, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.	3. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hướng dẫn việc lập, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý. 4. Bộ Nội vụ hướng dẫn việc lập, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.	
175	<b>Chương VII</b>		Các nội dung quy định từ điều 70 đến điều 73 về cơ bản đã được quy định tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật. Do vậy, Chương này được bãi bỏ.
176	<b>CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH CÔNG VỤ</b>		
177	<b>Điều 70. Công sở</b>		
178	1. Công sở là trụ sở làm việc của cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, có tên gọi riêng, có địa chỉ cụ thể, bao gồm công trình xây dựng, các tài sản khác thuộc khuôn viên trụ sở làm việc. 2. Nhà nước đầu tư xây dựng công sở cho cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. 3. Quy mô, vị trí xây dựng, tiêu chí thiết kế công sở do cơ quan có thẩm quyền quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tiêu chuẩn, định mức sử dụng.		
179	<b>Điều 71. Nhà ở công vụ</b>		
180	1. Nhà ở công vụ do Nhà nước đầu tư xây dựng để cán bộ, công chức được điều động, luân chuyển, biệt phái thuê trong thời gian đảm nhiệm công tác. Khi hết thời hạn điều động, luân chuyển, biệt phái, cán bộ, công chức trả lại nhà ở công vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà ở công vụ.		



	2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà ở công vụ phải bảo đảm việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ đúng mục đích, đối tượng.		
181	<b>Điều 72. Trang thiết bị làm việc trong công sở</b>		
182	1. Nhà nước bảo đảm trang thiết bị làm việc trong công sở để phục vụ việc thi hành công vụ; chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả thi hành công vụ. 2. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc mua sắm trang thiết bị làm việc theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. 3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý trang thiết bị làm việc trong công sở, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.		
183	<b>Điều 73. Phương tiện đi lại để thi hành công vụ</b>		
184	Nhà nước bố trí phương tiện đi lại cho cán bộ, công chức để thi hành công vụ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; trường hợp không bố trí được thì cán bộ, công chức được thanh toán chi phí đi lại theo quy định của Chính phủ.		
185	<b>Chương VIII</b>		Chương này được bỏ để thực hiện Kết luận số 134-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.
186	<b>THANH TRA CÔNG VỤ</b>		
187	<b>Điều 74. Phạm vi thanh tra công vụ</b>		
188	1. Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật này và các quy định khác có liên quan. 2. Thanh tra việc thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, đánh giá, thôi		

	việc, nghỉ hưu, khen thưởng, xử lý kỷ luật công chức, đạo đức, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của công chức và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động công vụ.		
189	<b>Điều 75. Thực hiện thanh tra công vụ</b>		
190	1. Thanh tra bộ, Thanh tra sở, Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức. 2. Thanh tra Bộ Nội vụ, Thanh tra Sở Nội vụ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật này. 3. Chính phủ quy định cụ thể hoạt động thanh tra công vụ.		
191	<b>Chương X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	
192	<b>Điều 84. Áp dụng quy định của Luật Cán bộ, công chức đối với các đối tượng khác</b>	<b>Điều 52. Áp dụng quy định của Luật cán bộ, công chức đối với các đối tượng khác</b>	
193	1. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Luật này đối với những người được bầu cử nhưng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; chế độ phụ cấp đối với người đã nghỉ hưu nhưng được bầu cử giữ chức vụ, chức danh cán bộ. 2. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Luật này đối với người làm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. 3. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện chế	1. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Luật này đối với những người được bầu cử nhưng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này; chế độ phụ cấp đối với người đã nghỉ hưu nhưng được bầu cử giữ chức vụ, chức danh cán bộ. 2. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Luật này đối với người làm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.	

độ công chức đối với người làm việc trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư, hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị và phục vụ quản lý nhà nước.

4. Chính phủ quy định khung số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chế độ quản lý, sử dụng đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

5. Việc xử lý đối với hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu được quy định như sau:

a) Mọi hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật;

b) Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật.

Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu có hành vi vi phạm trong thời gian công tác trước ngày 01 tháng 7 năm

	2020 được thực hiện theo quy định của Luật này. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.			
194	<b>Điều 85. Điều khoản chuyển tiếp</b>	<b>Điều 53. Điều khoản chuyển tiếp</b>		
195	Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập được xác định là công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành mà không còn là công chức theo quy định của Luật này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 84 của Luật này thì tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách và áp dụng các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức cho đến hết thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ đang đảm nhiệm.	1. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019) được giữ nguyên số lượng biên chế cho đến khi hoàn thành việc rà soát, tinh giản, cơ cấu lại và sắp xếp theo vị trí việc làm của chính quyền địa phương; được bảo lưu mức tiền lương hiện hưởng cho đến khi bố trí việc làm mới theo quy định của Chính phủ. Trong thời hạn 5 năm, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải sắp xếp, tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. 2. Chính phủ xây dựng lộ trình, ban hành quy định từng bước chuyển đổi quản lý theo vị trí việc làm trong thời hạn 05 năm tính từ ngày Luật này có hiệu lực. Trong thời hạn 05 năm, việc quản lý đội ngũ, các nội dung về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức tiếp tục thực hiện theo quy định của Chính phủ.		
196	<b>Điều 86. Hiệu lực thi hành</b>	<b>Điều 56. Điều khoản thi hành</b>		
197	1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. 2. Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức	1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm ..... 2. Luật Cán bộ, công chức 2008 và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực.		

	ngày 29 tháng 4 năm 2003 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.	3. Các quy định liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ, quy định của Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã hết hiệu lực kể từ ngày có văn bản thay thế.	
198	<b>Điều 87. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</b>	4. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan khác có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.	
199	Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan khác có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.	4. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan khác có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.	